

LUYỆN TẬP SINH 9- TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 5: DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI- BÀI 28, 29

Câu 1: Việc nghiên cứu di truyền người gặp những khó khăn nào?

- A. Người sinh sản muộn
- B. Người đẻ ít con.
- C. Không quan sát được kiểu gen và nhiễm sắc thể.
- D. Người sinh sản muộn, đẻ ít và vì lí do xã hội, không áp dụng được phương pháp lai và gây đột biến.

Câu 2: Phương pháp nghiên cứu di truyền người chủ yếu là gì?

- A: Phương pháp lai phân tích.
- B. Phương pháp gây đột biến nhân tạo.
- C. Phương pháp nghiên cứu phả hệ và trẻ đồng sinh.
- D. Phương pháp nghiên cứu di truyền quần thể.

Câu 3: Phương pháp nghiên cứu phả hệ là gì?

- A: Phương pháp theo dõi sự di truyền của một tính trạng nhất định trên những người thuộc cùng một dòng họ qua nhiều thế hệ để xác định đặc điểm di truyền của tính trạng đó.
- B: phương pháp theo dõi sự di truyền của một tính trạng nhất định trên những người thuộc cùng một dòng họ qua một thế hệ để xác định đặc điểm di truyền của tính trạng đó.
- C: phương pháp kết hợp các phẩm chất của hai sinh vật thuộc hai giống khác nhau để xác định đặc điểm di truyền của tính trạng đó.
- D: phương pháp theo dõi sự di truyền dựa vào trẻ đồng sinh cùng trứng để xác định đặc điểm di truyền của tính trạng đó.

Câu 4: Nhận định nào sau đây đúng?

- A: Trẻ đồng sinh cùng trứng có cùng một kiểu gen nên bao giờ cũng cùng giới.
- B: Trẻ đồng sinh khác trứng có kiểu gen khác nhau nên luôn khác giới.
- C: Phả hệ biểu thị sự di truyền về một tính trạng nào đó trên những người thuộc cùng một dòng họ qua một thế hệ.
- D: Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh không được sử dụng để để nghiên cứu di truyền người.

Câu 5: Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh có vai trò trong nghiên cứu di truyền người?

- A. Xác định tính trạng nào do gen quyết định là chủ yếu, tính trạng nào chịu ảnh hưởng của môi trường.
- B. Xác định kiểu hình của trẻ đồng sinh.

- C. Xác định kiểu gen của trẻ đồng sinh.
- D. Xác định đồng sinh cùng trứng hay khác trứng.

Câu 6: Trong tế bào của người bị hội chứng Đào có:

- A: 3 NST số 21.
- B: 3 NST số 23.
- C: 3 NST số 13.
- D: 3 NST số 18

Câu 7: Số lượng NST của bệnh nhân Tócno (OX) thay đổi như thế nào so với người bình thường?

- A. Chỉ có 1 NST giới tính X.
- B. Có 2 NST giới tính XX.
- C. Chỉ có 1 NST giới tính Y.
- D. Có 46 NST tương đồng.

Câu 8: Nguyên nhân gây ra bệnh bạch tạng là gì?

- A. Do đột biến gen trội gây ra.
- B. Do đột biến gen lặn gây ra.
- C. Do đột biến số lượng NST gây ra.
- D. Do đột biến cấu trúc NST gây ra.

Câu 9: : Bệnh, tật nào sau đây do đột biến gen trội gây ra?

- A: Tật bàn chân có nhiều ngón.
- B: Bệnh bạch tạng.
- C: Tật câm điếc bẩm sinh.
- D: Bệnh Đào.

Câu 10: Để hạn chế bệnh di truyền, cần thực hiện các biện pháp nào sau đây?

- (1) Sản xuất, thử, sử dụng vũ khí hạt nhân.
 - (2) Tăng cường sử dụng thuốc trừ sâu, diệt cỏ dại.
 - (3) Hạn chế kết hôn giữa những người có nguy cơ mang gen gây các tật, bệnh di truyền.
 - (4) Sử dụng đúng cách các loại thuốc chữa bệnh.
- A: (1), (2), (4).
 - B: (2), (3), (4).
 - C: (3), (4).
 - D: (1), (3), (4)

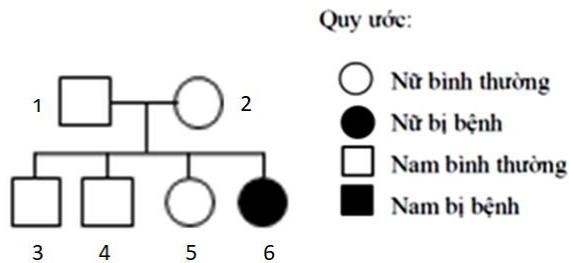
PHẦN DÀNH CHO HS KHÁ GIỎI

Câu 11: Ở người, tính trạng nào dưới đây do gen nằm trên NST giới tính quy định?

- A: Mùi màu, máu khó đông.
- B: Mùi màu, bạch tạng.

- C: Máu khó đông, bạch tạng.
- D: Bạch tạng, phenylketô niệu.

Câu 12: Cho sơ đồ phả hệ sau:



- A: Bệnh do gen lặn quy định nằm trên NST thường.
- B: Gen quy định bệnh nằm trên NST Y không có alen trên X.
- C: Bệnh do gen trội nằm trên NST thường quy định.
- D: Kiểu gen của người số 1 chắc chắn là đồng hợp.

Câu 13: Nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện các bệnh di truyền ở người là:

- A: Do tiếp xúc với các chất hóa học.
- B: Do tiếp xúc với không khí.
- C: Do tiếp xúc với vi sinh vật.
- D: Do nhiễm chất phóng xạ.

Câu 14: Yếu tố bên trong nào sau đây có thể dẫn đến các bệnh di truyền ở người?

- A: Rối loạn trao đổi chất nội bào.
- B: Nhân đôi vật chất di truyền trong quá trình phân bào.
- C: Tổng hợp chất hữu cơ.
- D: Hấp thu các chất dinh dưỡng.

Câu 15: Trong các bệnh di truyền sau, bệnh dẫn đến chậm phát triển trí tuệ và giảm khả năng sinh sản?

- A: Bệnh Đao.
- B: Bệnh Đao và bệnh Tơcnơ.
- C: Bệnh máu khó đông
- D: Bệnh mù màu.

-HẾT-